

- International Lactation Consultant Association. Aug 2020; 36(3): 503-509. doi: 10.1177/0890334419876272
3. **Kataria K, Srivastava A, Dhar A.** Management of lactational mastitis and breast abscesses: review of current knowledge and practice. The Indian journal of surgery. Dec 2013;75(6):430-5. doi:10.1007/s12262-012-0776-1
 4. **Eryilmaz R, Sahin M, Hakan Tekelioglu M, Daldal E.** Management of lactational breast abscesses. Breast (Edinburgh, Scotland). Oct 2005; 14(5): 375-9. doi: 10.1016/j.breast.2004.12.001
 5. **Anh Đ.T.** Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị áp xe vú tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Trường Đại học Y Hà Nội; 2021.
 6. **Nguyễn THN, Lê TTV, Nguyễn DH.** Đặc điểm lâm sàng và đánh giá điều trị áp xe vú sau đẻ tại Bệnh viện Phụ Sản Trung ương. Tạp chí Phụ sản. 05/01 2014; 12(2): 69-71. doi: 10.46755/vjog.2014.2.923
 7. **Dener C, Inan A.** Breast abscesses in lactating women. World journal of surgery. Feb 2003; 27(2): 130-3. doi: 10.1007/s00268-002-6563-6
 8. **Hàng ĐTV.** Nghiên cứu tắc tuyến sữa ở phụ nữ sau sinh tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Trường Đại học Y Hà Nội; 2017.

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH MINH

Lê Bá Tước¹, Tạ Văn Trâm²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sự yếu kém về mặt quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì sửa chữa dẫn đến những bất cập trong việc phát huy tính năng và hiệu quả đầu tư của trang thiết bị y tế cũng như sự lãng phí lớn. **Mục tiêu:** Mô tả thực trạng công tác quản lý trang thiết bị y tế tại Trung tâm y tế thị xã Bình Minh năm 2023. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 157 trang thiết bị y tế và 174 nhân viên y tế tại 17 khoa, trạm y tế trực thuộc Trung tâm y tế thị xã Bình Minh, từ tháng 02-10/2023. **Kết quả:** Kết quả đánh giá chung của nhân viên y tế về công tác quản lý sử dụng, bảo quản trang thiết bị y tế đạt mức tốt chiếm 51,7%; bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế đa số đạt mức độ tốt chiếm 94,3%. Việc quản lý sử dụng trang thiết bị y tế qua khảo sát trang thiết bị y tế phần lớn đạt mức tốt chiếm 77,7%. **Kết luận:** Cơ sở y tế cần thực hiện đầy đủ và chặt chẽ quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế. Phân công cá nhân có kiến thức, trách nhiệm để phụ trách việc quản lý và sử dụng thiết bị y tế đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ sử dụng và quản lý trang thiết bị y tế.

Từ khóa: Trang thiết bị y tế, quản lý, Bình Minh.

SUMMARY

CURRENT STATUS OF MEDICAL EQUIPMENT MANAGEMENT AT BÌNH MINH TOWN MEDICAL CENTER

Introduction: Weakness in management, operation, maintenance and repair leads to inadequacies in promoting the features and investment efficiency of medical equipment as well as

great waste. **Objective:** Describe the current status of medical equipment management at Binh Minh Town Medical Center in 2023. **Method:** Descriptive cross-sectional study was conducted on 157 medical equipment and 174 employees medical staff at 17 departments and medical stations under Binh Minh Town Medical Center, from February to October 2023. **Results:** The overall assessment results of medical staff on the management, use and preservation of medical equipment reached a good level, accounting for 51.7%; maintenance and repair of medical equipment is mostly good, accounting for 94.3%. The management and use of medical equipment through the medical equipment survey largely reached a good level, accounting for 77.7%. **Conclusion:** Medical facilities need to fully and strictly implement regulations on management and use of medical equipment. Assign knowledgeable and responsible individuals to be in charge of the management and use of medical equipment while promoting training to improve the qualifications of the team using and managing medical equipment. **Keywords:** Medical equipment, management, Binh Minh.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế rất đa dạng, phong phú về chủng loại, được đầu tư bằng các nguồn vốn khác nhau, nhưng cũng chưa đáp ứng được việc phục vụ số lượng bệnh nhân ở các bệnh viện. Sự yếu kém về mặt quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì sửa chữa dẫn đến những bất cập trong việc phát huy tính năng và hiệu quả đầu tư của trang thiết bị y tế cũng như sự lãng phí lớn.

Mục tiêu nghiên cứu: Mô tả thực trạng công tác quản lý trang thiết bị y tế tại Trung tâm y tế thị xã Bình Minh năm 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Các trang

¹Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh, Vĩnh Long

²Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang

Chịu trách nhiệm chính: Lê Bá Tước

Email: lebatuoc91@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 22.2.2024

Ngày duyệt bài: 11.3.2024

thiết bị y tế và cán bộ y tế tại 17 đơn vị trực thuộc Trung tâm y tế (TTYT) thị xã Bình Minh, từ tháng 02/2023 đến tháng 10/2023.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Các TTBYT nhóm 1-8 của bảng phân loại trang thiết bị y tế bệnh viện đang sử dụng tại TTYT thị xã Bình Minh có giá trị từ 10.000.000 VNĐ trở lên và có thời gian sử dụng trên 1 năm.

Cán bộ của 17 khoa, trạm y tế (TYT) tham gia nghiên cứu có thâm niên công tác từ 1 năm trở lên và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Các loại máy, thiết bị

hoặc hệ thống thiết bị không thuộc các nhóm 1-8 của bảng phân loại trang thiết bị y tế bệnh viện.

Những nhân viên y tế không có mặt trong thời gian nghiên cứu (đi học tập trung, nghỉ hậu sản).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Cỡ mẫu: Chọn mẫu toàn bộ gồm 157 TTBYT và 174 cán bộ y tế tại 17 khoa, TYT thuộc TTYT thị xã Bình Minh theo tiêu chuẩn lựa chọn.

Xử lý và phân tích số liệu: phần mềm SPSS 22.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng công tác quản lý trang thiết bị y tế tại Trung tâm y tế thị xã Bình Minh

Bảng 1. Tỷ lệ mức độ quản lý trang thiết bị y tế qua công tác sử dụng, bảo quản (n=174)

Nội dung	Rất chưa tốt	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
Địa điểm lắp đặt các TTBYT tại khoa đảm bảo điều kiện an toàn của thiết bị khi sử dụng	0	0	108 (62,1%)	56 (32,2%)	10 (5,7%)
Công tác tập huấn/đào tạo cho cán bộ sử dụng, bảo quản TTBYT tại khoa tốt	0	105 (60,3%)	54 (31,0%)	15 (8,6%)	0
Kiến thức và thực hành của cán bộ tại khoa đáp ứng việc sử dụng TTBYT	0	4 (2,3%)	136 (78,2%)	34 (19,5%)	0
Kiến thức và thực hành của cán bộ kỹ thuật TTBYT, cán bộ tin học đáp ứng tốt việc sử dụng TTBYT tại khoa	0	12 (6,9%)	132 (75,9%)	30 (17,2%)	0
Vật tư, phụ tùng thay thế đảm bảo cho TTBYT vận hành tại khoa	0	10 (5,7%)	124 (71,3%)	38 (21,8%)	2 (1,1%)
Số theo dõi tình trạng hoạt động của TTBYT tại khoa sau mỗi lần sử dụng được ghi chép rõ ràng	0	0	25 (14,4%)	130 (74,7%)	19 (10,9%)

Kết quả đánh giá chung của nhân viên y tế về công tác quản lý sử dụng, bảo quản TTBYT, đạt mức tốt chiếm 51,7%, 48,3% trường hợp chưa tốt.

Bảng 2. Tỷ lệ mức độ quản lý trang thiết bị y tế qua công tác bảo dưỡng, sửa chữa (n=174)

Nội dung	Rất chưa tốt	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
Các TTBYT tại khoa được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ	0	1 (0,6%)	66 (37,9%)	90 (51,7%)	17 (9,8%)
Sau mỗi lần bảo dưỡng, sửa chữa TTB tại khoa thì sổ lý lịch máy có ghi đầy đủ nội dung bảo dưỡng, sửa chữa	0	0	87 (50,0%)	71 (40,8%)	16 (9,2%)
Khi TTBYT hỏng cần phải sửa chữa gấp thì nhân viên kỹ thuật phòng TTBYT làm tốt	0	1 (0,6%)	89 (51,1%)	69 (39,7%)	15 (8,6%)
Khoa có quản lý tốt tài liệu kỹ thuật hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT	0	0	88 (50,6%)	70 (40,2%)	16 (9,2%)
Số lượng và trình độ của cán bộ bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT hiện tại đáp ứng tốt với nhu cầu của khoa	0	0	89 (51,1%)	77 (44,3%)	8 (4,6%)
Phụ tùng thay thế, dụng cụ sửa chữa, thiết bị đo lường chuyên dụng đáp ứng tốt công việc bảo dưỡng, sửa chữa tại khoa	0	4 (2,3%)	74 (42,5%)	96 (55,2%)	0
Việc hợp đồng với đơn vị bên ngoài thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT tại khoa tốt	0	0	20 (11,5%)	132 (75,9%)	22 (12,6%)

Đánh giá chung của nhân viên y tế về công tác bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT: đa số đạt mức độ tốt chiếm 94,3%, chưa tốt chiếm 5,7%.

Bảng 3. Tỷ lệ mức độ công tác quản lý sử dụng trang thiết bị y tế (n=157)

Nội dung	Tốt		Chưa tốt	
	n	%	n	%
Số đăng ký, theo dõi sử dụng TTBYT	91	58,0	66	42,0
Ghi tên, nguồn gốc TTBYT	152	96,8	5	3,2
Ghi họ tên cán bộ được phân công quản lý	157	100,0	0	0,0
Bản hướng dẫn sử dụng TTBYT	84	53,5	73	46,5
Ghi tên người sử dụng cho mỗi lần sử dụng	26	16,6	131	83,4
Ghi thời gian mỗi lần sử dụng	0	0,0	157	100,0
Ghi tình trạng TTBYT sau mỗi lần sử dụng	40	25,5	117	74,5
Thiết bị được vệ sinh sạch sẽ	126	80,3	31	19,7
Để nơi khô ráo, an toàn, sử dụng thuận tiện	153	97,5	4	2,5
Đăng ký trong danh mục tài sản của TTYT	157	100,0	0	0,0
Bảo dưỡng, bảo trì, hiệu chuẩn định kỳ	39	24,8	118	75,2
Ghi hồ sơ sửa chữa và kiểm tra sau sửa chữa	48	30,6	109	69,4
Đánh giá chung về quản lý sử dụng TTBYT	122	77,7	35	22,3

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng công tác quản lý trang thiết bị y tế tại Trung tâm y tế thị xã Bình Minh

Công tác quản lý bảo quản, sử dụng trang thiết bị y tế: Địa điểm lắp đặt các TTBYT tại khoa được đánh giá đảm bảo điều kiện an toàn của thiết bị khi sử dụng: đa số đạt mức bình thường chiếm 62,1%. Cơ sở hạ tầng để lắp đặt và bảo quản thiết bị tương đối tốt không có đánh giá mức chưa tốt.

Trong tổng số 157 TTBYT được khảo sát, quản lý TTBYT đa số người quản lý có trình độ đại học chiếm 62,4%, trung cấp chiếm 21,0%, thấp nhất là bậc cao đẳng chiếm 16,6%. Công tác quản lý TTBYT đòi hỏi người có trình độ và được tập huấn. Nên phần lớn cán bộ làm công tác này có trình độ đại học trở lên và có thâm niên trên mười năm (86,6%).

Võ Thị Ngọc Hương (2013), yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sử dụng, bảo quản TTBYT chưa tốt đó là công tác tập huấn/đào tạo cho cán bộ sử dụng, bảo quản TTBYT hiện nay chưa tốt vì hiện tại tổ TTBYT chưa có đủ nhân lực và trình độ để thực hiện việc đào tạo, tập huấn, còn thiếu nhiều kỹ sư chuyên về TTBYT nên việc đào tạo tập huấn chủ yếu là đưa tuyến trên đào tạo hoặc nhờ công ty lắp đặt TTBYT đào tạo, tập huấn ban đầu trước khi đưa vào sử dụng [3].

Kiến thức và thực hành của cán bộ tại khoa đáp ứng việc sử dụng TTBYT được đánh giá: mức bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (78,2%). Kiến thức và thực hành của cán bộ kỹ thuật TTBYT, cán bộ tin học đáp ứng tốt việc sử dụng TTBYT tại khoa được đánh giá: đa số đạt mức bình thường (75,9%). Kiến thức được đánh giá

tốt chiếm tỷ lệ chưa cao chỉ ở mức 17,2-19,5%, kết quả này phản ánh thực trạng đáng báo động. Vì kiến thức của nhân viên y tế ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả quản lý sử dụng TTBYT.

Việc cập nhật kiến thức trong quá trình sử dụng là rất quan trọng nhằm khai thác hết những tính năng của TTBYT để góp phần nâng cao công tác chẩn đoán và điều trị. Kết quả đánh giá công tác tập huấn/đào tạo cho cán bộ sử dụng, bảo quản TTBYT tại khoa tốt: phần lớn nhân viên đạt mức chưa tốt (60,3%), mức thường 31,0%, 8,6% đạt mức tốt, không có mức rất chưa tốt và rất tốt. Kết quả này thấp hơn Võ Tuấn Ngọc (2021), số TTBYT có nhân viên được đào tạo cập nhật kiến thức sử dụng chiếm 41,2% [5].

Vật tư, phụ tùng thay thế đảm bảo cho TTBYT vận hành tại khoa: mức bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (71,3%), tiếp đến là mức tốt (21,8%), chưa tốt (5,7%). Mức chưa tốt cao hơn Võ Tuấn Ngọc (2021), 2,9% TTBYT có thời gian sửa chữa kéo dài do thiếu vật tư, phụ tùng thay thế. Ảnh hưởng đến công tác điều trị và nguồn thu của đơn vị đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng TTBYT [5]. Số theo dõi tình trạng hoạt động của TTBYT tại khoa sau mỗi lần sử dụng được ghi chép rõ ràng được đánh giá: phần lớn đạt mức tốt (74,7%), bình thường (14,4%), rất tốt (10,9%), không có mức rất chưa tốt.

Kết quả đánh giá chung của nhân viên y tế về công tác sử dụng, bảo quản TTBYT, phần lớn đạt mức tốt chiếm 51,7%. Kết quả này thấp hơn Phan Văn Tuấn (2020), tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang, tỷ lệ quản lý tốt TTBYT qua công tác sử dụng, bảo quản là 77,8% [7]. So với một bệnh viện hạng 1 có nhiều kinh

nghiêm trong công tác quản lý thì một trung tâm y tế hạng 3 có kết quả thấp hơn là phù hợp. Qua đó, tỷ lệ này cũng là cơ sở để cảnh báo đến đơn vị cần có những hoạt động cải tiến nâng cao hiệu quả quản lý TTBYT tốt hơn.

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế: Kết quả đánh giá các kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ: đa số được đánh giá đạt mức tốt (51,7%). Sau mỗi lần bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT tại khoa thì số lý lịch máy có ghi đầy đủ nội dung bảo dưỡng, sửa chữa: mức bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất 50,0%. Kết quả này thấp hơn Mai Văn Sâm (2011), việc quản lý sổ nhật ký sử dụng TTBYT chiếm 79,3% [6].

Khi TTBYT hỏng cần phải sửa chữa gấp thì nhân viên kỹ thuật phòng TTBYT làm tốt: phần lớn ở mức bình thường (51,1%). Nội dung này cho thấy công tác cung ứng TTBYT phục vụ chuyên môn chưa đảm bảo. Do thời gian làm thủ tục khảo sát, báo giá lâu, rườm rà mà một số TTBYT là duy nhất tại đơn vị chưa có thiết bị thay thế nên cung ứng dịch vụ từ TTBYT này bị tạm ngưng.

Kết quả đánh giá công tác quản lý tài liệu kỹ thuật hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT như sau: đa số đạt mức bình thường (50,6%), tốt (40,2%). Mức tốt thấp hơn Mai Văn Sâm (2011), việc quản lý tài liệu kỹ thuật: hướng dẫn sử dụng (98,6%), hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa (75,7%) [6].

Để đảm bảo tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT thì cần thiết phải có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và trình độ chuyên môn cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng và trình độ của cán bộ bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT hiện tại đáp ứng tốt với nhu cầu của khoa: mức bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (51,1%). Hà Đặc Biên (2012), với sự bùng nổ về số lượng và chất lượng của các loại TTBYT được sử dụng trong ngành y tế, thì số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật TTBYT lại gặp nhiều khó khăn [1].

Để cải thiện tình trạng này, cần đầu tư và tăng cường đào tạo cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật TTBYT, đảm bảo số lượng đủ và chất lượng cao. Ngoài ra, cần có sự tổ chức sử dụng hợp lý để tận dụng tối đa tiềm năng của TTBYT. Công tác bảo dưỡng và sửa chữa cần được đặc biệt chú trọng, đảm bảo sự chính xác, đúng thời gian và đúng quy trình để tăng tuổi thọ làm việc của các TTBYT và đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế.

Phụ tùng thay thế, dụng cụ sửa chữa, thiết bị đo lường chuyên dụng đáp ứng tốt công việc bảo dưỡng, sửa chữa tại khoa: đa số ở mức tốt (55,2%). Việc hợp đồng với đơn vị bên ngoài

thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT tại khoa tốt: mức tốt chiếm đa số (75,9%). Đoàn Quang Minh (2010), một số bệnh viện tỉnh không có tổ chức phòng vật tư thiết bị y tế mà hình thành tổ vật tư TTBYT không đủ biên chế kỹ sư, dụng cụ đồ nghề thiếu lại không có linh kiện, phụ kiện, phụ tùng thay thế cần thiết [4].

Đánh giá chung của nhân viên y tế về công tác bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT: đa số đạt mức độ tốt chiếm 94,3%. Kết quả này cao hơn Phan Văn Tuấn (2020) tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang tỷ lệ đánh giá quản lý tốt TTBYT qua công tác bảo dưỡng, sửa chữa là 34,1% [7].

Công tác quản lý sử dụng TTBYT qua khảo sát TTBYT: Đánh giá thực trạng công tác quản lý TTBYT qua khảo sát thực tế từng TTBYT đạt mức tốt: sổ đăng ký, theo dõi sử dụng TTBYT (58,0%). Kết quả này cao hơn Bùi Việt Hùng (2010), thực trạng công tác quản lý TTBYT tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, 47% số khoa có đủ lý lịch máy, 45% số khoa có sổ nhưng không đầy đủ và 8% số khoa không có sổ lý lịch, phòng vật tư quản lý tốt số đầu máy/địa điểm lắp đặt/đơn vị quản lý (đạt 100%) [2].

Về việc ghi tên, nguồn gốc TTBYT đạt 96,8%, ghi họ tên cán bộ được phân công quản lý đạt 100,0%. Kết quả khảo sát cho thấy số TTBYT có bản hướng dẫn sử dụng đạt là 53,5% con số này thấp hơn Mai Văn Sâm (2011), việc quản lý tài liệu kỹ thuật: hướng dẫn sử dụng đạt 98,6%, bảo dưỡng, sửa chữa đạt 75,7% [6].

Ghi tên người sử dụng cho mỗi lần sử dụng chiếm 16,6%; ghi thời gian mỗi lần sử dụng 0%; ghi tình trạng TTBYT sau mỗi lần sử dụng 25,5%; thiết bị được vệ sinh sạch sẽ 80,3%; để nơi khô ráo, an toàn, sử dụng thuận tiện 97,5%; đăng ký trong danh mục tài sản của TTYT 100,0%. Mai Văn Sâm (2011), sổ nhật ký sử dụng TTBYT chiếm 79,3% [6].

Hoạt động bảo dưỡng, bảo trì, hiệu chuẩn định kỳ 24,8%; ghi hồ sơ sửa chữa và kiểm tra sau sửa chữa 30,6%. Bùi Việt Hùng (2010), công tác kiểm định TTBYT còn yếu do quá tải bệnh nhân, quá tải khối lượng công việc có thể làm cho lãnh đạo các khoa phần nào sao nhãng việc giám sát chất lượng các TTBYT trong khoa [2].

Võ Thị Ngọc Hương (2013), tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Long An, việc kiểm chuẩn và kiểm định chủ yếu được thực hiện bởi bệnh viện thông qua việc hợp đồng với các đơn vị bên ngoài có chức năng kiểm chuẩn được Nhà nước phê duyệt [3].

Nhìn chung, đánh giá chung về quản lý sử dụng TTBYT đạt mức tốt chiếm 77,7%. Kết quả này cũng được Phan Văn Tuấn (2020) ghi nhận

tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang, quản lý TTBYT tốt chiếm tỷ lệ 78,0% và quản lý chưa tốt 22,0% [7].

Để giải quyết vấn đề này, có thể cần nâng cao hệ thống quy định và tiêu chuẩn chất lượng cho TTBYT bao gồm cả trang thiết bị nhập khẩu và sản xuất trong nước. Đồng thời, cần tăng cường quản lý và kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất, nhập khẩu và sử dụng TTBYT. Điều này đòi hỏi sự hợp tác giữa các bên liên quan, bao gồm các cơ quan quản lý, bệnh viện và các đơn vị kiểm định, để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn chất lượng được thực hiện một cách tốt nhất và đồng nhất trong hệ thống y tế [3].

V. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá chung của nhân viên y tế về công tác quản lý sử dụng, bảo quản TTBYT đạt mức tốt chiếm 51,7%; công tác bảo dưỡng, sửa chữa TTBYT đa số đạt mức độ tốt chiếm 94,3%. Kết quả đánh giá chung về quản lý sử dụng TTBYT qua khảo sát TTBYT đạt mức tốt chiếm 77,7%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Đắc Biên (2012), "Đào tạo và tổ chức sử

dụng nguồn nhân lực kỹ thuật thiết bị y tế", Y học thực hành, 823, tr. 62-65.

2. Bùi Việt Hùng (2010), Thực trạng công tác quản lý trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, năm 2009, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội.
3. Võ Thị Ngọc Hương (2013), Nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố liên quan đến quản lý trang thiết bị chẩn đoán tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Long An, năm 2013, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội.
4. Đoàn Quang Minh (2010), Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về trang thiết bị y tế tại các bệnh viện công lập, Luận văn Thạc sỹ khoa học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Hà Nội.
5. Võ Tuấn Ngọc (2021), "Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến quản lý trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh năm 2020", Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển, 5(3), tr. 35-43.
6. Mai Văn Sâm (2011), Đánh giá công tác quản lý trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương năm 2011, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội.
7. Phan Văn Tuấn (2020), Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến quản lý trang thiết bị y tế chẩn đoán tại một số khoa, phòng của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang năm 2020, Luận văn Chuyên khoa 2 Tổ chức quản lý y tế, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội.

ĐẶC ĐIỂM TỔN THƯƠNG DA VÀ NIÊM MẠC CỦA BỆNH LICHEN PHẪNG QUA PHÂN TÍCH BẰNG DERMOSCOPY

Nguyễn Thị Thanh Huyền¹, Nguyễn Hữu Sáu², Trần Hữu Bách³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm tổn thương da và niêm mạc của bệnh Lichen phẳng (LP) qua phân tích bằng Dermoscopy. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện trên 101 bệnh nhân mắc LP tại Bệnh viện Da liễu Trung Ương, từ tháng 9/2022 đến hết tháng 8/2023, sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Tuổi trung bình của bệnh nhân là 45.6 ± 10.6 , tỉ lệ nam : nữ là 1.16 : 1. Kết quả dermoscopy được ghi nhận trong nghiên cứu của chúng tôi như sau: hình ảnh gập nhiều nhất là mạng lưới Wickham (Wickham striae – WS) (88.1%), tiếp theo đó là mạch máu dạng đường thẳng và chấm (34.7%), sắc tố (27.7%). Sau điều trị, mạng lưới WS và mạch máu biến mất, chỉ còn lại sắc tố với tỉ lệ

100%. **Kết luận:** Dermoscopy là một kỹ thuật không xâm lấn có giá trị không chỉ trong chẩn đoán LP mà còn hỗ trợ các bác sĩ lâm sàng đánh giá tiên lượng và đánh giá đáp ứng điều trị. **Từ khóa:** Dermoscopy, Lichen phẳng, mạng lưới Wickham

SUMMARY

CHARACTERISTICS OF SKIN AND MUSCLE LESIONS OF LICHEN PLANUS DISEASE BY DERMOSCOPY ANALYSIS

Objective: Describe the characteristics of skin and mucosal lesions of Lichen planus (LP) through Dermoscopy analysis. **Subjects and methods:** The study was conducted on 101 LP patients at the National Dermatology Hospital, from September 2022 to the end of August 2023, using a cross-sectional descriptive research design. **Results:** The average age of the patients was 45.6 ± 10.6 , the male: female ratio was 1.16:1. Dermoscopy results recorded in our study were as follows: the most common image was Wickham's network (Wickham's network). striae – WS) (88.1%), followed by straight and dotted blood vessels (34.7%), and pigmentation (27.7%). After treatment, the WS network and blood vessels disappear, leaving only pigment at a rate of 100%. **Conclusion:**

¹Đại học Y Dược Hải Phòng

²Đại học Y Hà Nội

³Bệnh viện Da liễu Trung Ương

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thanh Huyền

Email: thanhhuyen59@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.2.2024

Ngày duyệt bài: 7.3.2024